TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **02**/2025/QĐST-KDTM	*Văn Chấn, ngày 17 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 157, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2025/ TLST – KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2025

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N2 (A).

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Ngọc T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N2 chi nhánh huyện V, tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Ủy quyền lại cho ông La Xuân H – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N2 chi nhánh huyện V, tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Ông Hoàng Anh T1, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ A, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái

Bà Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ A, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Mạnh L, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ H, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái

- Bà Nguyễn Lệ T3, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 8, phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền nợ gốc, nợ lãi, nghĩa vụ trả nợ:

Ngân hàng N2 (A) và ông Hoàng Anh T1 và bà Nguyễn Thanh T2 thống nhất: ông Hoàng Anh T1 và bà Nguyễn Thanh T2 phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng N2 đến hết ngày 09/06/2025 với tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 7.394.304.800 đồng đồng (bảy tỷ, ba trăm chín mươi tư triệu, ba trăm linh tư nghìn, tám trăm đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: 06.2024/HĐTD-870400611-NL ngày 20/09/2024 tại Ngân hàng N2 chi nhánh huyện V.

Cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 7.068.000.000 đồng (bảy tỷ không trăm sáu mươi tám triệu đồng)

- Lãi quá hạn theo mức lãi suất trong hạn: 284.521.400 đồng (hai trăm tám mươi tư triêu năm trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm đồng)

- Lãi phạt quá hạn: 41.783.400 đồng (bốn mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày 10/6/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận theo Hợp đồng tín dụng số: 06.2024/HĐTD-870400611-NL ngày 20/9/2024 tại Ngân hàng N2 chi nhánh huyện V.

Trong trường hợp ông ông Hoàng Anh T1, bà Nguyễn Thanh T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu ở trên thì Ngân hàng N2 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, định giá, bán tài sản các tài sản theo:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 38.2023/HĐTC-870400603-SG ký kết ngày 12/9/2023 giữa A chi nhánh huyện V với ông Hoàng Anh T1, bà Nguyễn Thanh T2. Tài liệu chứng minh tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AA 515325, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00886 QSDĐ/số299QĐUBH do UBND thị xã N cấp ngày 14/9/2004 mang tên hộ ông Hoàng Anh T1.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 37.2023/HĐTC-870400603-SG ký kết ngày 12/9/2023 giữa A chi nhánh huyện V với ông Hoàng Anh T1, bà Nguyễn Thanh T2. Tài liệu chứng minh tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất số phát hành: BE 079483, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02183 do UBND thị xã N cấp ngày 10/8/2011 mang tên ông Hoàng Anh T1, bà Nguyễn Thanh T2.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 23.2022/HĐTC-870400603-SG ký kết ngày 30/12/2022 giữa A chi nhánh huyện V với ông Hoàng Anh T1, bà Nguyễn Thanh T2. Tài liệu chứng minh tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DĐ 705354, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 02356 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Y cấp ngày 04/3/2022 mang tên ông Hoàng Anh T1, bà Nguyễn Thanh T2.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 35C.2022/HĐTC-870400575-NL ký kết ngày 17/3/2022 giữa A chi nhánh huyện V với ông Hoàng Anh T1, bà Nguyễn Thanh T2. Tài liệu chứng minh tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CX 075207, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 06229 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Y cấp ngày 16/7/2020 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CX 075209, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 06227 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Y cấp ngày 16/7/2020.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 555.2023/HĐTC-870400584-NL ký kết ngày 08/12/2023 giữa A chi nhánh huyện V với ông Lê Mạnh L và bà Nguyễn Lệ T3. Tài liệu chứng minh tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CX 085680, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 06288 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Y cấp ngày 20/8/2020.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Hoàng Anh T1, bà Nguyễn Thanh T2 tiếp tục thi hành khoản nợ còn thiếu, tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi nợ quá hạn tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong 06.2024/HĐTD-870400611-NL ngày 20/09/2024 tại Ngân hàng N2 chi nhánh huyện V.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm có giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản trong Hợp đồng thế chấp.

2.2 Về án phí:

Ông Nguyễn Anh T4 và bà Nguyễn Thanh T2 nhận chịu cả án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 57.697.152 đồng (Năm mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm năm mươi hai đồng). Ngân hàng N2 được hoàn lại số tiền là 57.658.000 đồng (Năm mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng) trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2024/0001945 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Yên Bái;*
- *VKSND huyện Văn Chấn;*
- *Chi cục THADS huyện Văn Chấn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Ngọc Linh